TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 6 - 2020.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1117/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Duy P, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 10 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc Duy P chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 29/12/2014, con đang sống với anh P. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Duy P có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng tại Bản tự khai ngày 26/5/2020 anh P trình bày: Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 29/12/2014, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc Duy P, anh P có bản tự khai và có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Duy P, anh P hiện có hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại khu vực B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Duy P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Ngọc Duy P chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn. Anh P xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị T, anh P đều trình bày tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Chị T và anh P thống nhất có 01 con chung gồm: Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 29/12/2014, con chung đang sống với anh P. Chị T và anh P thống nhất để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của chị T, anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Ngọc Duy P về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Duy P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc Duy P được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 29/12/2014. Chị Nguyễn Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Nguyễn Ngọc Duy P không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, chị T được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004050 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Chị T không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh